

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01-3-2018

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Phạm Thị Tư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị L**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số nhà 165/15 đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Xuân T**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số nhà 18 đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2017 và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày:* Bà và ông Trần Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 05/3/2010. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hòa hợp, ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, hay vắng nhà và bài bạc nên bà phải thường trả nợ cờ bạc cho chồng, thậm chí ông T còn nhiều lần cầm đồ của gia đình và bà phải tự mình đi chuộc về. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài, nhiều lần xảy ra xô xát, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, năm 2015 bà cũng đã nộp đơn xin ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ và ông T hứa sửa đổi nên bà cố gắng hàn gắn để giữ lại hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên đến

nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn không thể giải quyết. Hiện vợ chồng đã sống ly thân gần một năm, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thanh T sinh ngày 10/12/2010 và Trần Nhật Hoàng L, sinh ngày 24/10/2012. Hiện cả hai con đang ở với ông T, cháu T cũng có nguyện vọng ở với ba, ông T có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, còn bà thì đang thuê nhà trọ sống. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của các con trong điều kiện tốt hơn nên ly hôn bà đồng ý để ông T trực tiếp nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

*Trong quá trình xét xử bị đơn ông Trần Xuân T trình bày:* Ông xác nhận việc đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà L là đúng. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng có thời gian phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bà L đã bỏ nhà đi, ông đã tìm và đón bà L về nhưng bà L không về. Hiện cả hai đã sống ly thân hơn 6 tháng, nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì hai con còn nhỏ và ông là người có đạo không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như bà L trình bày. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho bà L được ly hôn với ông T vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Xuân T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Đinh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T hiện cư trú tại xã L, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp

ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà L xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L ông T đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, ông T trình bày không đồng ý ly hôn, ông theo đạo công giáo nên không được phép ly hôn. Thực tế bà L cũng đã nhiều lần gửi đơn xin ly hôn, gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải nhưng cũng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, qua xác minh chính quyền địa phương xác nhận từ năm 2015 bà L ông T đã thường xuyên gây gỗ, cãi vã, gần một năm nay cả hai đã sống ly thân. Như vậy, với thực trạng hôn nhân như trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, có tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4]. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận ông T trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Thanh T sinh ngày 10/12/2010 và Trần Nhật Hoàng L, sinh ngày 24/10/2012. Xét sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật, đáp ứng nguyện vọng được ở với ba của cháu T cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận giao hai con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Bà L ông T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; trường hợp tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện, sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa bà Đinh Thị L và ông Trần Xuân T.

**2. Về nuôi con chung:** Giao hai con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày

10/12/2010 và Trần Nhật Hoàng L, sinh ngày 24/10/2012 cho ông Trần Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

**3. Về án phí:** Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001949 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND X. Lộc Châu, TP. Bảo Lộc, tỉnh LD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)  
**Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc**